

Số: /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 357/2026/NĐ-CP ngày 15/9/2026 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ cơ cấu lại vốn nhà nước lại doanh nghiệp, chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp ngày 14 tháng 6 năm 2025 được sửa đổi bổ sung bởi Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 57/2026/NĐ-CP ngày 12/02/2026 của Chính phủ về cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức; hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số ... của Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 357/2026/NĐ-CP ngày 15/9/2026 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 357/2026/NĐ-CP ngày 15/9/2026 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn các nội dung sau:

1. Lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 357/2026/NĐ-CP.
2. Khai, nộp vào ngân sách nhà nước các khoản thu theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 357/2026/NĐ-CP.
3. Chi ngân sách nhà nước đối với các khoản chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển theo quy định tại Điều 7 và Điều 10 Nghị định số 357/2026/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu, gồm:
 - a) Các bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi là Cơ quan đại diện chủ sở hữu trung ương);
 - b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là doanh nghiệp cấp 1), gồm:
 - a) Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Công ty mẹ của Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con (bao gồm cả ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ).
 - b) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
3. Đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần theo quy định của Chính phủ (sau đây gọi là cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập).
4. Doanh nghiệp được chuyển đổi sở hữu từ doanh nghiệp cấp 1, đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm: Doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Nhà nước; Ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước; Doanh nghiệp đã chuyển giao

đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC).

5. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp cấp 1. Người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (sau đây gọi là người đại diện phần vốn nhà nước).

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Các khoản thu từ cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ phần hoá đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 357/2026/NĐ-CP phải được xác định, khai và nộp đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập, pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về quản lý thuế, Nghị định số 357/2026/NĐ-CP và Thông tư này.

2. Các khoản chi thường xuyên và chi đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 357/2026/NĐ-CP do ngân sách trung ương, ngân sách địa phương bảo đảm đối với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc trung ương và địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước.

3. Việc xác định doanh thu, thu nhập, chi phí và các nội dung khác phục vụ mục đích tính thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

4. Việc lập, tổng hợp, quyết định, phân bổ, giao và chấp hành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, Nghị định số 357/2026/NĐ-CP, Thông tư này và pháp luật có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Lập dự toán thu

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập dự toán các khoản thu quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 357/2026/NĐ-CP đối với từng doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, tổng hợp vào dự toán thu ngân sách nhà nước theo phân cấp và gửi Bộ Tài chính và Kiểm toán nhà nước trước ngày 10 tháng 7 hằng năm để tổng hợp trong dự toán ngân sách nhà nước, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội quyết định theo quy định.

2. Các khoản thu từ cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp nộp ngân sách nhà nước theo quy định của Nghị định số 57/2026/NĐ-CP, bao gồm:

a) Thu từ chuyển đổi doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần hoặc thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

b) Thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

c) Thu từ chuyển đổi doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ đến dưới 100% vốn điều lệ;

d) Thu từ giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

e) Các khoản thu khác từ cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

3. Phương pháp xác định số dự toán thu thực hiện như sau:

a. Đối với thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập và chuyển đổi doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

Số dự toán thu từ cổ phần hoá bằng (=) số lượng cổ phần nhà nước bán ra, nhân với (x) giá khởi điểm dự kiến, trừ đi (-) dự toán chi phí cổ phần hóa, chi phí xử lý lao động dôi dư, tính giảm biên chế theo quy định của pháp luật.

Số dự toán thu từ chuyển nhượng phần vốn nhà nước khi chuyển đổi doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên bằng (=) số tiền dự kiến thu từ chuyển nhượng phần vốn nhà nước, trừ đi (-) dự toán chi phí chuyển đổi, chi phí xử lý lao động dôi dư, tính giảm biên chế theo quy định của pháp luật.

b. Đối với thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và chuyển đổi doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ, số dự toán thu được xác định căn cứ vào danh mục, phương án chuyển nhượng vốn, phương án chuyển đổi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể như sau:

Số dự toán thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần bằng (=) số lượng cổ phần dự kiến chuyển nhượng nhân với (x) giá khởi điểm hoặc giá chuyển nhượng dự kiến, trừ đi (-) dự toán chi phí chuyển nhượng vốn được trừ theo quy định của pháp luật.

Số dự toán thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên bằng (=) số tiền dự kiến thu từ chuyển nhượng phần vốn nhà nước, trừ đi (-) dự toán chi phí chuyển nhượng vốn được trừ theo quy định của pháp luật.

c. Đối với thu từ giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, số dự toán thu được xác định căn cứ vào quyết định giải thể, phương án giải thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

Số dự toán thu bằng (=) số tiền dự kiến thu từ giải thể doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 4 Điều 73 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP trừ đi (-) dự toán chi phí giải thể và thanh toán cho chủ nợ theo quy định tại Điều 77 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP.

Điều 5. Lập dự toán chi đối với ngân sách nhà nước

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập dự toán các khoản chi quy định tại khoản 1 Điều 7 và điểm a Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 357/2026/NĐ-CP (chi tiết theo từng khoản chi) đối với từng doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền, tổng hợp vào dự toán chi ngân sách nhà nước theo phân cấp cùng với việc lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định, gửi Bộ Tài chính và Kiểm toán nhà nước trước ngày 10 tháng 7 hằng năm để tổng hợp trong dự toán ngân sách nhà nước, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội quyết định theo quy định.

2. Lập dự toán chi thường xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 357/2026/NĐ-CP thực hiện như sau:

a) Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và cơ quan, tổ chức có liên quan căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 357/2026/NĐ-CP, lập báo cáo đề xuất số ngân sách nhà nước chi hỗ trợ, bù đắp, hoàn trả, gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu trung ương (đối với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Trung ương) hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương) theo phân cấp để rà soát, thẩm định và tổng hợp vào dự toán chi thường xuyên các hoạt động kinh tế của cơ quan, địa phương theo phân cấp.

b) Căn cứ số lượng, quy mô của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý và thời hạn gửi dự toán quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan đại diện chủ sở hữu trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thời hạn doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, Hội đồng giải thể lập và gửi báo cáo cho phù hợp.

3. Đối với chi đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 357/2026/NĐ-CP, cơ quan đại diện chủ sở hữu Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, quyết định hoặc phương án đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhu cầu vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp và khả năng cân đối ngân sách nhà nước để xác định số vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, tổng hợp vào dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước theo phân cấp.

Điều 6. Đối tượng khai, nộp và cơ quan thực hiện thu

1. Các khoản thu từ cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập phải nộp Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập, pháp luật về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp phải được khai, nộp đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư này, pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về quản lý thuế và Thông tư số 130/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định Hệ thống Mục lục ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có), trong đó:

a) Khoản thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đơn vị sự nghiệp công lập nộp vào Tiêu mục 3653 “*Thu hồi vốn của Nhà nước từ cổ phần hóa*” theo phân cấp.

b) Khoản thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên nộp vào Tiêu mục 3655 “*Thu hồi vốn của Nhà nước từ chuyển nhượng vốn nhà nước*” theo phân cấp.

c) Khoản thu từ các hình thức cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác có phát sinh số phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp nộp vào Tiêu mục 3656 “*Thu hồi vốn của Nhà nước từ sắp xếp lại doanh nghiệp theo hình thức khác*” theo phân cấp.

d) Khoản thu từ xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập đã giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam (DATC) xử lý thu hồi được xác định là khoản thu của ngân sách trung ương; thực hiện nộp vào tiêu mục phù hợp theo nội dung kinh tế của khoản thu.

2. Việc khai, nộp vào ngân sách nhà nước thực hiện theo từng lần phát sinh số phải nộp ngân sách nhà nước. Người nộp thuế có trách nhiệm gửi kèm theo Tờ khai các văn bản, tài liệu làm căn cứ xác định khoản thu phải nộp ngân sách nhà nước.

3. Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, DATC có trách nhiệm khai, nộp các khoản thu theo quy định tại Điều 7 Thông tư này tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, DATC thực hiện quản lý thu theo quy định tại Điều 3, Điều 6 Nghị định số 357/2026/NĐ-CP, Điều 7 Thông tư này, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về quản lý thuế.

Điều 7. Thời hạn khai, nộp vào ngân sách nhà nước và mẫu tờ khai

1. Thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và chuyển đổi doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

a) Khoản chênh lệch giữa giá trị phần vốn nhà nước theo sổ kế toán tại doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập với mức vốn điều lệ được xác định trong phương án cổ phần hóa, phương án chuyển đổi doanh nghiệp:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành quyết định về việc nộp phần chênh lệch, doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cổ phần hóa, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi có trách nhiệm khai, nộp khoản chênh lệch về ngân sách nhà nước theo Mẫu số 01/CCL ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Tiền thu từ bán đấu giá cổ phần, phần vốn nhà nước công khai ra công chúng:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư tham gia cuộc đấu giá, tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần/bán phần vốn nhà nước có trách nhiệm khai, nộp khoản thu từ bán đấu giá công khai ra công chúng về ngân sách nhà nước (sau khi trừ các khoản phải chuyển doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 54 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP và điểm a khoản 1 Điều 35 Nghị định số ... về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp) theo Mẫu số 01/CCL ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Đối với tiền thu từ bán cổ phần cho tổ chức công đoàn cơ sở, người lao động; bán thỏa thuận trực tiếp số cổ phần còn lại chưa bán hết; bán cổ phần cho các nhà đầu tư chiến lược, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm khai, nộp số tiền phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 40 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP; điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 35 Nghị định số ... về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp và Mẫu số 01/CCL ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được chuyển đổi từ doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ căn cứ báo cáo tài chính tại thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, kết quả xử lý tài chính và quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP, khoản 2 Điều 35 Nghị định số ... về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp để xác định, khai và nộp số tiền phải nộp ngân sách nhà nước theo Mẫu số 01/CCL ban hành kèm theo Thông tư này.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên và xác định số phải nộp bổ sung về ngân sách nhà nước; công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được chuyển đổi từ doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có trách nhiệm khai, nộp khoản chênh lệch tăng thêm so với số đã nộp (nếu có) theo quy định tại khoản 2 Điều 40, khoản 1 Điều 50 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP và khoản 2 Điều 35 Nghị định số ... về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp vào ngân sách nhà nước theo Mẫu số 04/QT-CCL ban hành kèm theo Thông tư này.

e) Các khoản thu khác phát sinh trong quá trình cổ phần hóa, chuyển đổi

e1) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tiền thu từ thu hồi, xử lý nợ và tài sản, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam (DATC) có trách nhiệm khai, nộp các khoản theo định

tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 07/2022/TT-BTC ngày 09/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) vào ngân sách nhà nước theo Mẫu số 01/CCL kèm theo Thông tư này. Trường hợp số tiền phải nộp dưới 100 triệu đồng theo từng lần phát sinh, DATC tập hợp và nộp theo tháng trong 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng liền kề trước đó theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 07/2022/TT-BTC.

e2) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày thu hồi được nợ, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông có trách nhiệm khai, nộp số tiền phải nộp ngân sách nhà nước từ khoản công nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thu hồi được theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP theo Mẫu số 01/CCL ban hành kèm theo Thông tư này.

e3) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây dựng theo hợp đồng; công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên sau chuyển đổi có trách nhiệm khai, nộp toàn bộ số dư dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây dựng còn lại không sử dụng hết vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP theo Mẫu số 01/CCL ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và chuyển đổi doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đại diện chủ sở hữu nhận đủ tiền theo các phương thức giao dịch theo quy định của pháp luật về chứng khoán (đối với trường hợp chuyển nhượng vốn tại các công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM), cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm khai, nộp về ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 58, điểm a khoản 3 Điều 81 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP theo Mẫu số 02/CNV ban hành kèm theo Thông tư này

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhà đầu tư hoàn tất nộp tiền về tài khoản của cơ quan đại diện chủ sở hữu (đối với trường hợp chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM; chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên), cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm khai, nộp về ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 58, điểm b khoản 3 Điều 81 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP theo Mẫu số 02/CNV ban hành kèm theo Thông tư này

c) Trường hợp sau khi phê duyệt quyết toán tiền thu từ chuyển nhượng vốn phát sinh tăng thêm số phải nộp ngân sách nhà nước thì trong thời hạn 10

ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt quyết toán tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm khai, nộp khoản chênh lệch tăng thêm so với số đã nộp (nếu có) vào ngân sách nhà nước theo Mẫu số 05/QT-CNV ban hành kèm theo thông tư.

3. Thu từ giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ:

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt quyết toán giải thể doanh nghiệp, Hội đồng giải thể có trách nhiệm khai, nộp vào ngân sách nhà nước phần tiền còn lại (bao gồm cả số tiền lãi thu được từ giải thể công ty) sau khi thanh toán chi phí giải thể và các khoản nợ của doanh nghiệp theo khoản 4 Điều 73 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP và Tờ khai nộp số thu từ giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ - Mẫu số 03/GT ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Chi ngân sách nhà nước

1. Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước để thực hiện các khoản chi quy định tại Điều 7 Nghị định số 357/2026/NĐ-CP.

2. Việc kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước thực hiện như sau:

a. Trường hợp chi theo hình thức Lệnh chi tiền: thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 15 Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

b. Trường hợp chi theo hình thức rút dự toán từ Kho bạc Nhà nước:

b1) Đối với các khoản chi thường xuyên: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 347/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

b2) Đối với các khoản chi từ vốn đầu tư công: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và đôn đốc các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định về lập dự toán, khai, nộp các khoản thu và sử dụng các khoản chi từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 357/2026/NĐ-CP và Thông tư này.

b) Thực hiện hoặc chỉ đạo cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện đăng ký thuế, khai, nộp các khoản thu vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, Nghị định số 357/2026/NĐ-CP và Thông tư này.

c) Kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng các khoản chi từ ngân sách nhà nước; chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác, đầy đủ của hồ sơ, số liệu do cơ quan đại diện chủ sở hữu trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, thẩm định và đề nghị cấp kinh phí theo quy định.

d) Thực hiện chế độ báo cáo về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập và tình hình thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, quản lý thuế, quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan, tổ chức có liên quan

a) Thực hiện khai, nộp đầy đủ, chính xác, kịp thời các khoản thu vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 357/2026/NĐ-CP, Thông tư này và pháp luật về quản lý thuế.

b) Chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo; cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính, cơ quan thuế và cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và giám sát theo quy định của pháp luật.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ, tài liệu, số liệu khai, nộp ngân sách nhà nước; hồ sơ, số liệu đề nghị cấp kinh phí và thanh toán các khoản chi từ ngân sách nhà nước.

3. Trách nhiệm của cơ quan thuế

a) Tổ chức quản lý thu đối với các khoản thu quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 357/2026/NĐ-CP, Điều 7 Thông tư này theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

b) Hướng dẫn, tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế thực hiện thủ tục khai, nộp các khoản thu vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 357/2026/NĐ-CP, Thông tư này và pháp luật về quản lý thuế.

4. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước

Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm tra, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, Nghị định số 357/2026/NĐ-CP, Điều 8 Thông tư này và pháp luật có liên quan.

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

Hồ sơ, tờ khai, báo cáo và hồ sơ quyết toán đã được lập và nộp hợp lệ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành chưa được cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt thì tiếp tục được thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng tại thời điểm phát sinh khoản thu, khoản chi; cơ quan, tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ không phải lập, nộp lại theo biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.
2. Bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp.
3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tài chính, cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.
4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để có hướng dẫn xử lý./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Lưu: VT, DNNN (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI NỘP SỐ THU****TỪ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP; CHUYỂN ĐỔI DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ THÀNH CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

[01] Kỳ tính thuế:

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Cơ quan thuế quản lý trực tiếp:

[07] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[08] Mã số thuế:

[09] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số ngày/...../.....

[10] Cơ quan đại diện chủ sở hữu/cơ quan quản lý cấp trên:

[11] Hình thức: Cổ phần hóa doanh nghiệp ☐ Cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập ☐ Chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước ☐*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

STT	Nội dung khoản thu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Khoản chênh lệch giữa giá trị phần vốn nhà nước theo sổ kế toán với mức vốn điều lệ được xác định trong phương án cổ phần hóa, phương án chuyển đổi doanh nghiệp	[10]	
2	Tiền thu từ bán đầu giá công khai ra công chúng	[11]	
3	Tiền thu từ bán cổ phần cho tổ chức công đoàn cơ sở, người lao động	[12]	
4	Tiền thu từ bán thỏa thuận trực tiếp số cổ phần còn lại chưa bán hết	[13]	
5	Tiền thu từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược	[14]	
6	Số thu phát sinh tại thời điểm doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập chính thức chuyển thành công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	[15]	
7	Các khoản thu khác phát sinh trong quá trình cổ phần hóa, chuyển đổi, gồm:	[16]	
a	Các khoản nợ và tài sản loại trừ khi chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập của DATC	[17]	
b	Tiền thu từ khoản công nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của các ngân hàng thương mại và doanh nghiệp viễn thông	[18]	
c	Tiền thu từ số dư dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây dựng không chi hết	[19]	
8	Tổng cộng	[20]	

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế:

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI NỘP SỐ THU

**TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN, CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN;
CHUYỂN ĐỔI DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ ĐẾN DƯỚI 100%
VỐN ĐIỀU LỆ**

[01] Kỳ tính thuế:

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Cơ quan thuế quản lý trực tiếp:

[07] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[08] Mã số thuế:

[09] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số ngày/...../.....

[10] Doanh nghiệp có vốn chuyển nhượng/chuyển đổi:

[11] Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

[12] Hình thức: Chuyển nhượng vốn ☐ Chuyển đổi doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ ☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Nội dung khoản thu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM	[13]	
2	Tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM	[14]	
3	Tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	[15]	
4	Tổng số tiền phải nộp ngân sách nhà nước	[16]	

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về

thuế:

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI NỘP SỐ THU****TỪ GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ**

[01] Kỳ tính thuế:

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên doanh nghiệp giải thể:

[05] Mã số thuế:

[06] Cơ quan thuế quản lý trực tiếp:

[07] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[08] Mã số thuế:

[09] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số ngày/...../.....

[10] Cơ quan đại diện chủ sở hữu:

[11] Hội đồng giải thể/cơ quan, tổ chức được giao thực hiện giải thể:

[12] Quyết định giải thể số: ngày/...../.....

[13] Quyết định phê duyệt quyết toán giải thể số: ngày/...../.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

ST T	Nội dung	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng số tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản và thu hồi các khoản phải thu	[10]	
2	Tiền và các khoản tương đương tiền còn lại tại doanh nghiệp	[11]	
3	Khoản thu khác trong quá trình giải thể	[12]	
4	Chi phí giải thể được thanh toán theo quy định	[13]	
5	Các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đã thanh toán	[14]	
6	Phần tiền còn lại thuộc chủ sở hữu nhà nước	[15]	
7	Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước	[16]	

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về
thuế:

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI QUYẾT TOÁN SỐ THU****TỪ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP; CHUYỂN ĐỔI DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ THÀNH CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

[01] Kỳ tính thuế:

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp/đơn vị quyết toán:

[05] Mã số thuế:

[06] Cơ quan thuế quản lý trực tiếp:

[07] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[08] Mã số thuế:

[09] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số ngày/...../.....

[10] Cơ quan đại diện chủ sở hữu/cơ quan quản lý cấp trên:

[11] Hình thức: Cổ phần hóa doanh nghiệp ☐ Cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập ☐ Chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước ☐

[12] Quyết định phê duyệt quyết toán số: ngày/...../.....

ST T	Nội dung	Mã chỉ tiêu	Theo phương án/dã khai	Theo quyết toán	Chênh lệch
1	Số thu theo quyết toán phải nộp ngân sách nhà nước	[13]			
2	Số thu đã khai, nộp ngân sách nhà nước	[14]			
3	Chênh lệch tăng thêm còn phải nộp ngân sách nhà nước	[15]			

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về
thuế:

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN SỐ THU

**TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN, CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN;
CHUYỂN ĐỔI DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ ĐẾN DƯỚI 100%
VỐN ĐIỀU LỆ**

[01] Kỳ tính thuế:

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu/người nộp:

[05] Mã số thuế:

[06] Cơ quan thuế quản lý trực tiếp:

[07] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[08] Mã số thuế:

[09] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số ngày/...../.....

[10] Doanh nghiệp có vốn chuyển nhượng/chuyển đổi:

[11] Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

[12] Hình thức: Chuyển nhượng vốn ☐ Chuyển đổi doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ ☐

[13] Quyết định phê duyệt quyết toán số: ngày/...../.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

ST T	Nội dung	Mã chỉ tiêu	Theo phương án/đã khai	Theo quyết toán	Chênh lệch
1	Số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước phải nộp ngân sách nhà nước	[14]			
2	Số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước đã nộp ngân sách nhà nước	[15]			
3	Số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước còn phải nộp ngân sách nhà nước	[16]			

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về
thuế:

....., ngày tháng năm

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)